TÒA ÁN NHÂN DÂN **C - Đ** **TỈNH Đ** Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST Ngày 10/02/2026 V/v tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN C - Đ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị G
2. Ông Trần Văn K
- *Thư ký phiên tòa:* ông Dương Hoàng S, Thư ký Tòa án nhân dân C - Đ .

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân C - Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 210/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2025, về "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Đinh Trương Thuỷ C**, sinh ngày 28/6/1993,
Căn cước công dân số: 082193017211, cấp ngày 03/3/2023.
Địa chỉ: Số 156/1, tổ 58, khóm Z, phường C, tỉnh Đ .
- *Bị đơn:* **Trần Việt Q**, sinh ngày 22/9/1993
Căn cước công dân số: 092093008395, cấp ngày 29/01/2024.
Địa chỉ: Tổ 19, khóm Đông Bình, phường C, tỉnh Đ .
Bà Đinh Trương Thuỷ C có mặt. Ông Trần Việt Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Đinh Trương Thuỷ C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Trương Thuỷ C và ông Trần Việt Q kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 06/8/2024 của Uỷ ban nhân dân Phường 3, thành phố C nay là phường C, tỉnh Đ . Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung một nhà, mỗi người ở một nơi khác nhau và sống ly thân đến nay. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hoà giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhận không đạt được. Nay bà Đinh Trương Thuỷ C yêu cầu ly hôn với ông Trần Việt Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đinh Q P, sinh ngày 28/5/2024, con chung đang sống cùng với bà Thủy C. Sau khi ly hôn, bà Thủy C

yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Bà Thủy C không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ông Trần Việt Q:* Không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên toà, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do ông Trần Việt Q vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Đinh Trương Thuỷ C tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân C - Đ được thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân C - Đ tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân**:** Bà Đinh Trương Thuỷ C và ông Trần Việt Q kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 06/8/2024 của Uỷ ban nhân dân Phường 3, thành phố C nay là phường C, tỉnh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không sống chung một nhà, mỗi người ở một nơi khác nhau và đang ly thân đến nay, vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hoà giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Đối với ông Trần Việt Q: Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông Trần Việt Q không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và dự phiên tòa xét xử. Thể hiện ông Trần Việt Q không muốn đoàn tụ vợ chồng, không phản đối yêu cầu ly hôn của bà Đinh Trương Thuỷ C. Bà Đinh Trương Thuỷ C yêu cầu ly hôn với ông Trần Việt Q phù hợp theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà Thủy C trình bày, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đinh Q P, sinh ngày 28/5/2024, con chung đang sống với bà Thủy C. Bà Thủy C

yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ông Trần Việt Q không có ý kiến về nuôi con chung. Xét thấy, con chung dưới 36 tháng tuổi đang sống chung với bà Đinh Trương Thuỷ C. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần của con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Trương Thuỷ C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Trương Thuỷ C không yêu cầu ông Trần Việt Q cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Việt Q không có ý kiến về cấp dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Trương Thuỷ C trình bày không có. Ông Trần Việt Q không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Trương Thuỷ C phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Trần Việt Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Trương Thuỷ C ly hôn với ông Trần Việt Q *(theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 06/8/2024 của Uỷ ban nhân dân Phường 3, thành phố C, tỉnh Đ nay là phường C, tỉnh Đ).*

Về con chung: Có một con chung tên Trần Đinh Q P, sinh ngày 28/5/2024, con chung đang sống với bà Thủy C. Bà Đinh Trương Thuỷ C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Trương Thuỷ C không yêu cầu ông Trần Việt Q cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Việt Q không có ý kiến về cấp dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Trương Thuỷ C trình bày không có. Ông Trần Việt Q không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Trương Thuỷ C phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí trừ váo tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 001039, ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ .

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".